

CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ ĐẠI QUANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ ĐẠI QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI QUANG TECHNICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI QUANG TECHNICAL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108009015

3. Ngày thành lập: 04/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17 Ngõ 135 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904132850

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
2.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
3.	Chăn nuôi lợn	0145
4.	Chăn nuôi gia cầm	0146
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
7.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
8.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
9.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
11.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
16.	Sản xuất máy luyện kim	2823
17.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
18.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
19.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
20.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
21.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
22.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092

23.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
24.	Sản xuất nhạc cụ	3220
25.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
26.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
27.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
34.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
36.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
41.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659

44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su	4669
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn gạo	4631
54.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... - Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 15 Thông tư 43 của Bộ Y Tế năm 2014)	4632
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
57.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
58.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;	5229
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

73.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
74.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
75.	Trồng cây mía	0114
76.	Trồng cây lấy sợi	0116
77.	Trồng cây điều	0123
78.	Trồng cây hồ tiêu	0124
79.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
80.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511(Chính)
81.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
82.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
83.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
84.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
85.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
86.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
87.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
88.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
89.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy nén và giấy than - Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;	1709
90.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;	2393
91.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395

93.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
94.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
95.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
96.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
97.	Sản xuất đồng hồ	2652
98.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
99.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
100.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
101.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
103.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;	5629
104.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
105.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
106.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
107.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
108.	Khai thác gỗ	0221
109.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
110.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
111.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
112.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
113.	Trồng cây hàng năm khác	0119
114.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
115.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
116.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
117.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
118.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
119.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
120.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
121.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
122.	Đúc kim loại màu	2432
123.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
124.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

125.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
126.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
127.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
128.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
129.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
130.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
131.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
132.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
133.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất máy làm bột giấy; Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa; Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa; Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa.	2829
134.	Tái chế phế liệu	3830
135.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
136.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
137.	Sản xuất đường	1072
138.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza.	1079
139.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
140.	Đúc sắt, thép	2431
141.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
142.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
143.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
144.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
145.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
146.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680

147.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
148.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
149.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất nam châm điện; - Sản xuất còi báo động;	2790
150.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
151.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
152.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
153.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
154.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
155.	Thu gom rác thải độc hại	3812
156.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
157.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
158.	Trồng cây lâu năm khác	0129
159.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
160.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
161.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;	0149
162.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
163.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
164.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
165.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
166.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
167.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
168.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như : cân hành lý, cân cầu đường, cân khác... Sản xuất máy đóng gói như : Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn..	2819

169.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
170.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
171.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
172.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
173.	Cho thuê xe có động cơ	7710
174.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
175.	Trồng cây cà phê	0126
176.	Trồng cây chè	0127

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/06/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036071000155

Ngày cấp: 10/04/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 Ngõ 135 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 404B ngõ 805 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/06/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036071000155

Ngày cấp: 10/04/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 Ngõ 135 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 404B ngõ 805 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

